TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14/7/2020
V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Hoàng Thị Bích Hường.

2. Bà: Phùng Thị Phương.

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Văn Noọng - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa*:** Ông Lương Văn Trọng - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 38/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2020 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXHNGĐ - ST ngày 18 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T. Có mặt.

Nơi ĐKHKTT: Xóm C, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: Xóm N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

2. Bị đơn: Anh Triệu Văn K. Vắng mặt không lý do.

Nơi cư trú: Xóm C, xã Đ, huyện , tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 05/5/2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn chị T trình bày: Chị và anh K kết hôn vào năm 2017 và tiến hành đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T ngày 04/12/2017, việc đăng ký là tự nguyện. Sau kết hôn, chị về sống cùng chồng tại huyện T, tỉnh Cao Bằng. Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn.

Nguyên nhân là do chồng không quan tâm đến vợ con, chơi bời nghiện ngập, nhiều lần đánh chị không rõ nguyên nhân. Chị nhiều lần khuyên bảo và cho chồng nhiều cơ hội nhưng không có kết quả. Cũng trong năm 2017, bố mẹ chồng đi làm ăn xa, anh K lại không quan tâm nên chị đã mang theo con bỏ về nhà mẹ đẻ ở Lạng Sơn sinh sống. Sau đó anh K có xuống Lạng Sơn với vợ được hơn một tháng thì hai vợ chồng xuống Hải Phòng làm công nhân. Tuy nhiên, xuống cũng chỉ được nửa tháng thì chị lại phải về nhà vì anh K vẫn chơi bời và sử dụng ma túy, không quan tâm đến vợ. Từ đó cho đến nay anh K không hỏi thăm đến vợ con chị lần nào nữa. Một mình chị nuôi dạy con chung tên Triệu Bảo Ng, sinh ngày 03/10/201x. Giữa hai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung. Nay chị xác định tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn anh K. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh K khai: Anh K xác nhận các vấn đề về tình cảm, con cái, tài sản, nợ chung như chị T trình bày là đúng. Từ khi chị T về nhà mẹ đẻ thì anh không liên lạc, hỏi thăm đến hai mẹ con lần nào, vì nghĩ là chị T đã có người khác. Trước đây anh có sử dụng ma túy, nhưng hiện nay đã cai được. Tuy nhiên, anh vẫn còn thương con nên không nhất trí ly hôn mà muốn được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Ngày 09/6/2020, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ với kết quả: Từ năm 2017 anh K bỏ nhà đi đâu không rõ, trong thời gian này anh không có mặt tại địa phương. Hiện nay anh K là đối tượng nghi nghiện thuộc diện Ủy ban nhân dân xã quản lý. Tháng 5 năm 2020, anh K có liên quan đến một vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn xã, nay đang trong thời gian điều tra, làm rõ sự việc. Hiện nay bố anh K đang trong thời gian chấp hành án phạt tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Anh K cũng không có việc làm ổn định, sống nay đây mai đó và không thường xuyên có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa:

Chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh K, được nuôi con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và nguyên đơn đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không có mặt theo Giấy triệu tập của Toà án là vi phạm khoản 15,16 Điều 70 BLTTDS. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn anh K. Giao con chung cho chị T chăm sóc và không đặt vấn đề cấp dưỡng đối với anh K. Về án phí: Buộc chị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm Hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng:* Bị đơn Triệu Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất để tham gia phiên tòa ngày 01/7/2020, nhưng anh cố tình không có mặt nên Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa. Sau đó phiên tòa được mở lại vào ngày 14/7/2020. Mặc dù đã được tống đạt hợp lệ cả hai lần, nhưng bị đơn vẫn cố tình trốn tránh không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp:* Chị T yêu cầu được ly hôn anh K, nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tung dân sự.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị T và anh Triệu Văn K đăng ký kết hôn ngày 04/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị T và anh K là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên cuộc sống không được hòa thuận, hạnh phúc. Trong khoảng hơn hai năm từ 2018 đến đầu năm 2020, anh K đi đâu không rõ, không quan tâm, hỏi thăm đến vợ con. Đầu năm 2020 khi về nhà anh cũng không liên lạc, hỏi thăm đến vợ con, mặc dù muốn đoàn tụ nhưng anh K cũng không có giải pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng hiện nay. Ngoài ra, anh K là đối tượng nghi nghiện thuộc diện quản lý của Ủy ban nhân dân xã, sống nay đây mai đó, không ổn định ở địa phương. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị và anh Kđã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung:* Giữa chị T và anh K có 01 con chung tên Triệu Bảo Ng, sinh ngày 03/10/201x hiện đang sống cùng chị T. Xét thấy hiện nay anh K không có công việc ổn định, sống nay đây mai đó và là đối tượng nghi nghiện thuộc diện quản lý của Ủy ban nhân dân xã Đức Hồng. Mặt khác, hiện nay cháu Ng chưa đủ 36 tháng tuổi, đã quen sống cùng chị Th từ nhỏ. Vì vậy, cần giao cháu Ng cho chị T chăm sóc, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh K chu cấp nuôi con nên không đặt vấn đề cấp dưỡng đối với anh K.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. *Về án phí:* Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Triệu Văn .

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Bảo Ng, sinh ngày 03/10/201x cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh K.

Sau khi ly hôn, anh K có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, xác nhận chị đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh K có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt Bản án hợp lệ./.

Thành viên Hội đồng xét xử	**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**
Đã ký	**Đã ký**
Phùng Thị Phương - Hoàng Thị Bích Hường	**Nông Văn Tùng**

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã Đức Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nông Văn Tùng

Thành viên Hội đồng xét xử

Phùng Thị Phương - Hoàng Thị Bích Hường

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nông Văn Tùng